

Phụ lục
QUY TRÌNH NỘI BỘ - QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT TTHC
LĨNH VỰC QUỐC TỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày / /2025
của Trung tâm phục vụ hành chính công)

I. Danh mục quy trình nội bộ - quy trình điện tử

STT	Tên TTHC	Mã QT	Ghi chú
1	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	QT-QT-01	
2	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	QT-QT-02	
3	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	QT-QT-03	
4	Thủ tục xin thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	QT-QT-04	
5	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	QT-QT-05	

II. Quy trình nội bộ - quy trình điện tử TTHC lĩnh vực Quốc tịch

1. Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (QT-QT-01)

1	Mục đích		
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ xin cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân xin cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam. <i>Sở Tư pháp, Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo thông báo của cấp có thẩm quyền (sau đây gọi chung là Bộ phận Một cửa) và công chức Bộ phận Một cửa, công chức, người lao động được bố trí tham gia trong quá trình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này.</i>		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2025. - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Quyết định số 2358/QĐ-BTP ngày 16/7/2025 của Bộ Tư pháp Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Quyết định số 1099/QĐ-TTPVHCC ngày 25/7/2025 của Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quốc tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam	X	
	<i>02 ảnh 4 x 6 chụp chưa quá 06 tháng</i>	X	
	Giấy tờ về nhân thân của người đó như giấy Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân, thẻ căn cước, căn cước điện tử, giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp		X
	Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền		X
	Giấy tờ được cấp trước đây để chứng minh người đó đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch của họ được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc giấy tờ để chứng minh người đó khi sinh ra có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam, trong trường hợp cơ		X

	quan tiếp nhận không thể khai thác được trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.		
	Trường hợp không có bất kỳ giấy tờ nào nêu trên thì tùy từng hoàn cảnh cụ thể, có thể nộp bản sao giấy tờ về nhân thân, quốc tịch, hộ tịch do chế độ cũ ở miền Nam hoặc giấy tờ do chính quyền cũ ở miền Bắc cấp; giấy bảo lãnh của Hội đoàn người Việt Nam ở nước ngoài nơi người đó đang cư trú, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; giấy bảo lãnh của người có quốc tịch Việt Nam, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp trong đó ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam.		X
	*Lưu ý Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì các giấy tờ trong hồ sơ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Tờ khai phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật. Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính; bản sao được chứng thực từ bản chính; bản sao được cấp từ sổ gốc; bản điện tử các giấy tờ này; giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VneID). Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người thụ lý hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu.		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền: 53 ngày đối với hồ sơ xác minh thông thường hoặc 68 ngày đối với hồ sơ xác minh phức tạp. 1. Thời hạn Sở Tư pháp xem xét, kiểm tra thông tin trong hồ sơ, giấy tờ do người yêu cầu xuất trình và có văn bản gửi cơ quan Công an Thành phố xác minh về nhân thân của người có yêu cầu: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. 2. Thời hạn Công an Thành phố xác minh và trả lời kết quả xác minh là 45 ngày; trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài thêm nhưng không quá 60 ngày. 3. Thời hạn Sở Tư pháp ghi vào Sổ cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam và cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh đủ cơ sở để xác định người đó có nguồn gốc Việt Nam		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Cổng Dịch vụ công Quốc gia - Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC (Theo thông báo của cấp có thẩm quyền)		
3.6	Phí		
	100.000 đồng/trường hợp Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú.		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
TT	Trình tự	Trách	Thời gian
		Biểu mẫu	

		nhiệm		/Kết quả
B1	Người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC (Theo thông báo của cấp có thẩm quyền) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc nộp trực tuyến	Công dân	Trong giờ hành chính	Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2
B2	Bộ phận Một cửa kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác thì Bộ phận Một cửa viết Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ và ghi vào Sổ thụ lý hồ sơ quốc tịch. Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố, đồng thời chuyển hồ sơ bản giấy cho cho công chức Phòng HCTP - Sở Tư pháp	Bộ phận Một cửa	1/2 ngày làm việc	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Sổ theo dõi hồ sơ Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B3	Công chức Phòng HCTP có trách nhiệm xem xét, kiểm tra thông tin trong hồ sơ, giấy tờ do người yêu cầu xuất trình, trình trưởng phòng HCTP, đồng thời <u><i>có văn bản gửi cơ quan Công an Thành phố đề nghị xác minh nhân thân</i></u>	Công chức Phòng HCTP – Sở Tư pháp, Trưởng phòng HCTP	05 ngày làm việc	Văn bản đề nghị xác minh kèm theo Hồ sơ được thẩm định
B4	Công an Thành phố xác minh nhân thân người yêu cầu và có văn bản trả lời Sở Tư pháp	Công an Thành phố	45 ngày; trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài thêm nhưng không quá 60 ngày	Văn bản trả lời xác nhận tình trạng nhân thân của người yêu cầu
B5	Kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, nếu thấy có đủ cơ sở để xác định người đó có nguồn gốc Việt Nam, công chức Phòng HCTP xem xét ghi vào Sổ cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam, dự thảo Giấy xác nhận trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký Nếu không có cơ sở để cấp Giấy xác	Công chức phòng HCTP – Sở tư pháp; Trưởng phòng HCTP	02 ngày làm việc	Dự thảo Giấy xác nhận kèm theo Hồ sơ hoặc văn bản thông báo từ chối cấp giấy xác nhận

	nhận là người gốc Việt Nam, công chức phòng HCTP dự thảo thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu biết.			
B6	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký, ký số Chuyển công chức phòng HCTP lấy số, đóng dấu và bàn giao Bộ phận Một cửa Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Lãnh đạo Sở Tư pháp, Công chức Phòng HCTP, Văn thư Sở	1/2 ngày làm việc	Giấy xác nhận kèm theo Hồ sơ
B7	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam
4	BIỂU MẪU			
	Hệ thống Biểu mẫu (Thông tư số 12 /2025/TT-BTP của Bộ Tư pháp)			
	Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam (Mẫu TP/QT-2025-TKXNNGVN.1).; Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho người được đại diện (TP/QT-2025-TKXNNGVN.2). Mẫu điện tử tương tác Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam và Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho người được đại diện (nếu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến).			
	Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (TP/QT-2025-XNNGVN).			

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM

Kính gửi (1):

Họ, chữ đệm và tên (2): Giới tính* :

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có):

Nơi sinh (3)*:

Nơi đăng ký khai sinh* (4):

Quốc tịch (5)*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:

do: cấp ngày tháng năm

Nơi cư trú *:

.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (6):/...../.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (6) :

.....

Giấy tờ chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc giấy tờ chứng minh người đó khi sinh ra có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ thay thế theo quy định:

1,

2,

- 3,.....
- 4,.....
- 5,.....

Đề nghị (1) cấp cho tôi Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

Người khai

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ.

(2) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(3) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài). Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ví dụ: Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức.

Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(5) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(6) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

Ảnh 4 x 6 của
người được
đại diện (chụp
không quá 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM
(Dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị
cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho người được đại diện)

Kính gửi (1):

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm và tên (2): Giới tính*:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử
(nếu có):

Quốc tịch*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế: số:

do: cấp ngày tháng năm

Nơi cư trú*:

.....

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi đề nghị cơ quan có
thẩm quyền cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm và tên (2): Giới tính*:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ
căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có):

Nơi sinh (3)*:

Nơi đăng ký khai sinh (4)*:

Quốc tịch (5)*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế: số:

do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú*:

.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (6):/...../.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (6):

.....

Giấy tờ chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc giấy tờ chứng minh người đó khi sinh ra có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam hoặc các giấy tờ thay thế theo quy định.

1,

2,

3,

4,

5,

Đề nghị (1) cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho

(7)

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

Người khai

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày, tháng, năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ.

(2) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(3) Ghi địa danh hai cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài). Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(5) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La-tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(6) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

(7) Ghi họ, chữ đệm và tên của người được đại diện.

**NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM**

- (1) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (2) Họ, chữ đệm và tên;
- (3) Giới tính;
- (4) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (5) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (6) Nơi sinh;
- (7) Nơi đăng ký khai sinh (ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài));
- (8) Quốc tịch;
- (9) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (10) Nơi cư trú (nơi đang sinh sống);
- (11) Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (12) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);
- (13) Giấy tờ chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc giấy tờ chứng minh người đó khi sinh ra có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ thay thế theo quy định (*ghi rõ từng loại giấy tờ*);
- (14) Đề nghị cấp cho tôi Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (ghi rõ tên cơ quan thụ lý hồ sơ).

* Người yêu cầu cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVCĐ, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam nhận bản điện tử Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam khi đã hoàn tất thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.

NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM
(Dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận là người gốc
Việt Nam cho người được đại diện)

I. Thông tin người đại diện theo pháp luật

- (1) Họ, chữ đệm và tên;
- (2) Giới tính;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (4) Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (5) Nơi sinh;
- (6) Quốc tịch;
- (7) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (8) Nơi cư trú (nơi đang sinh sống);
- (9) Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện;

II. Thông tin về người xin cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam

- (10) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (11) Họ, chữ đệm và tên;
- (12) Giới tính;
- (13) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (14) Số định danh cá nhân/số Căn cước công dân/số Thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (15) Nơi sinh;
- (16) Nơi đăng ký khai sinh (ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài));
- (17) Quốc tịch;

(18) Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế (số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm);

(19) Nơi cư trú (nơi đang sinh sống);

(20) Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);

(21) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);

(22) Giấy tờ chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc giấy tờ chứng minh người đó khi sinh ra có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ thay thế theo quy định (*ghi rõ từng loại giấy tờ*);

(23) Đề nghị cấp cho tôi Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (ghi rõ tên cơ quan thụ lý hồ sơ).

* Người yêu cầu cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVD, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam nhận bản điện tử Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam khi đã hoàn tất thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.

.....(1).....
(2).....
 Số:...../XNNGVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ảnh 4 x 6
 (chụp không
 quá 6 tháng)

....., ngàytháng..... năm.....

GIẤY XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM

.....(2).....

Căn cứ quy định pháp luật quốc tịch Việt Nam;

Xét đề nghị của ông/bà (3):

..... về
 việc xác nhận là người gốc Việt Nam cho ông/bà (4).....

XÁC NHẬN:

Họ, chữ đệm và tên (4):Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

Nơi sinh (5):

.....

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:

do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú:

.....

Là người gốc Việt Nam.

NGƯỜI KÝ GIẤY XÁC NHẬN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm và tên; chức vụ và đóng
 dấu)

Chú thích:

- (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ quan cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam. Ví dụ: UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI. Nếu cơ quan cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam là cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì không phải ghi dòng này.
- (2) Tên cơ quan cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam: nếu là Sở Tư pháp thì ghi tên SỞ TƯ PHÁP; nếu là Cơ quan đại diện thì ghi tên cơ quan đại diện và tên nước đặt trụ sở cơ quan đại diện. Ví dụ: ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI CHLB ĐỨC.
- (3) Nếu là nam thì gạch chéo “bà”, nữ thì gạch chéo “ông” và ghi họ, chữ đệm và tên (bằng chữ in hoa, có dấu) của người được giao nhiệm vụ tham mưu giải quyết hồ sơ.
- (4) Ghi họ, chữ đệm và tên (bằng chữ in hoa, có dấu) của người được cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.
- (3)+(4) Ví dụ: Xét đề nghị của ông NGUYỄN HÀ, người làm công tác quốc tịch của Sở Tư pháp, về việc cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho bà NGUYỄN THỊ HOA.
- (5) Ghi địa danh 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài). Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

2. Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam (QT-QT-02)

1	Mục đích		
		Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam.	
2	Phạm vi		
		Áp dụng đối với cá nhân xin nhập quốc tịch Việt Nam. Sở Tư pháp, Văn phòng UBND Thành phố, <i>Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo thông báo của cấp có thẩm quyền (sau đây gọi chung là Bộ phận Một cửa) và công chức Bộ phận Một cửa, công chức, người lao động được bố trí tham gia trong quá trình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này.</i>	
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
		- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2025. - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Quyết định số 2358/QĐ-BTP ngày 16/7/2025 của Bộ Tư pháp Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Quyết định số 1099/QĐ-TTPVHCC ngày 25/7/2025 của Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quốc tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội	
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam	X	
	Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế		X
	Bản khai lý lịch	X	
	Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp phù hợp với pháp luật của nước đó đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ	X	
	Giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt của người xin nhập quốc tịch Việt Nam là bản sao văn bằng, chứng chỉ để chứng minh người đó đã		X

	học bằng tiếng Việt tại Việt Nam như bản sao bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ, bằng cử nhân hoặc bằng tốt nghiệp đại học, bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp (bao gồm bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp hoặc trung cấp chuyên nghiệp) hoặc bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam hoặc bản sao chứng chỉ tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài do cơ sở giáo dục của Việt Nam cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam không có giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt thì Sở Tư pháp tổ chức kiểm tra, phỏng vấn về khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt của người đó bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP. Thành phần tham gia phỏng vấn có đại diện của Sở Tư pháp và Sở Giáo dục và Đào tạo. Kết quả kiểm tra, phỏng vấn phải được lập thành văn bản. Những người trực tiếp kiểm tra, phỏng vấn chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, phỏng vấn và ý kiến đề xuất của mình;		
	Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam (phải là người đang thường trú tại Việt Nam và đã được cơ quan Công an có thẩm quyền của Việt Nam cấp Thẻ thường trú. Thời gian thường trú tại Việt Nam của người xin nhập quốc tịch Việt Nam được tính từ ngày người đó được cấp Thẻ thường trú)		X
	Giấy tờ chứng minh khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam của người xin nhập quốc tịch Việt Nam gồm một trong các giấy tờ sau: giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản; giấy tờ do cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc xác nhận về mức lương hoặc thu nhập; giấy tờ bảo lãnh của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú về tình trạng nhà ở, công việc, thu nhập của người xin nhập quốc tịch Việt Nam		X
	Bản sao Giấy khai sinh của con chưa thành niên cùng nhập quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp người chưa thành niên có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam xin nhập quốc tịch Việt Nam, trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ nhập quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia. Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự		X

	hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.		
	- Những người được miễn một số điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì được miễn các giấy tờ tương ứng với điều kiện được miễn, nhưng phải nộp một số giấy tờ sau để chứng minh điều kiện được miễn, cụ thể là: + Trường hợp có vợ, chồng là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; nếu có cha đẻ, mẹ đẻ, con đẻ là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con; nếu có ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam thì nộp bản sao giấy tờ hợp lệ để chứng minh, trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành); + Người có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (phải là người có tài năng vượt trội trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế, pháp luật, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục hoặc các lĩnh vực khác đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng hoặc được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương và có cơ sở cho thấy người đó sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam; Doanh nhân, nhà đầu tư là cá nhân có hoạt động kinh doanh, đầu tư tại Việt Nam đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về việc người đó sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển của Việt Nam). - Người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ sau: + Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp về việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó. Trường hợp pháp luật nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này thì người đó phải có bản cam đoan về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này và việc xin giữ quốc tịch nước ngoài khi nhập quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước		X

	ngoài đó; + Bản cam kết không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại khoản 6 Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài.		
	* Lưu ý: - Giấy tờ có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Giấy tờ trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người xin nhập quốc tịch Việt Nam có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính; bản sao được chứng thực từ bản chính; bản sao được cấp từ sổ gốc; bản điện tử các giấy tờ này; giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VN eID). Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người thụ lý hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu.		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	03 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	105 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền) - Thời hạn Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị cơ quan Công an Thành phố xác minh về nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam: 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, - Thời hạn cơ quan Công an Thành phố có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp: 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, - Thời hạn Sở Tư pháp có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: 05 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh. - Thời hạn Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp: 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp 1. Đối với trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin thôi quốc tịch nước ngoài: - Thời hạn Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, gửi thông báo bằng văn bản cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam: 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố - Thời hạn Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định: 10 ngày, kể từ ngày nhận được giấy cho thôi quốc tịch nước ngoài của người xin nhập quốc tịch Việt Nam.		

	2. Đối với trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài, người xin nhập quốc tịch Việt Nam là người không quốc tịch: Thời hạn Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định: 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố - Thời hạn Chủ tịch nước xem xét, quyết định: 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.
3.5	<i>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:</i> - Người nước ngoài và người không quốc tịch đang thường trú ở trong nước có đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu có đủ các điều kiện sau đây: + Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp là người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ, người chưa thành niên có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam; + Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; tôn trọng văn hóa, truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam; + Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam; + Đang thường trú ở Việt Nam; + Thời gian thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam; + Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam. - Người xin nhập quốc tịch Việt Nam có vợ hoặc chồng hoặc có con đẻ là công dân Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải đáp ứng các điều kiện sau: + Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam; + Thời gian thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam; + Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam. - <i>Người xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc một trong những trường hợp (có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam; có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ) có thể được nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải đáp ứng các điều kiện sau:</i> + <i>Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam;</i> + <i>Đang thường trú ở Việt Nam;</i> + <i>Thời gian thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam;</i> + <i>Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam.</i> - <i>Người xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc những trường hợp (có vợ hoặc chồng hoặc có con đẻ là công dân Việt Nam; có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam; có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ) được giữ quốc tịch nước ngoài nếu đáp ứng các điều kiện sau đây và được Chủ tịch nước cho phép:</i> + <i>Việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó;</i> + <i>Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp</i>

	<i>của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</i> <i>Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không đáp ứng đầy đủ điều kiện được giữ theo quy định thì phải thôi quốc tịch nước ngoài.</i> <i>- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam. Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài. Tên do người xin nhập quốc tịch Việt Nam lựa chọn và được ghi rõ trong Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.</i> <i>- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam không được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.</i>			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Cổng Dịch vụ công Quốc gia - Trung tâm Phục vụ Hành chính công; Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC (Theo thông báo của cấp có thẩm quyền)			
3.6	Lệ phí			
	3.000.000 đồng. Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: - Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước CHXH Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). - Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải trực tiếp nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC (Theo thông báo của cấp có thẩm quyền) không uỷ quyền cho người khác nộp hồ sơ	Công dân	Trong giờ hành chính	Thành phần Hồ sơ theo Mục 3.2
B2	Bộ phận Một cửa kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác thì Bộ phận Một cửa viết Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ và ghi vào Sổ thụ lý hồ sơ quốc tịch. Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố, đồng thời chuyển hồ sơ bản	Bộ phận Một cửa	1/2 ngày	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Sổ theo dõi hồ sơ

	giấy cho cho công chức Phòng HCTP - Sở Tư pháp			
B3	Công chức Phòng HCTP có trách nhiệm xem xét, kiểm tra thông tin trong hồ sơ, giấy tờ do người yêu cầu xuất trình: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: công chức tham mưu văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết chuyển về Bộ phận Một cửa để thông báo cho cá nhân. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, hoàn chỉnh hồ sơ, tham mưu dự thảo văn bản gửi Công an Thành phố xác minh theo quy định; gửi Trưởng phòng xem xét.	Công chức phòng HCTP – Sở Tư pháp; Trưởng phòng HCTP	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Hồ sơ - Văn bản đề nghị xác minh nhân thân
B4	Công an Thành phố xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp.	Công an Thành phố	30 ngày	Kết quả xác minh về nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam
B5	Công chức phòng HCTP – Sở Tư pháp xem xét, trình Trưởng phòng HCTP dự thảo Công văn và hồ sơ. Nếu hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, tham mưu văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết chuyển về Bộ phận Một cửa để thông báo cho cá nhân. Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, hoàn tất hồ sơ trình chủ tịch UBND Thành phố	Cán bộ, công chức phòng HCTP	04 ngày kể từ ngày nhận được kết quả xác minh	Dự thảo Công văn kèm theo Hồ sơ
B6	Lãnh đạo UBND Thành phố xem xét và đề xuất gửi Bộ Tư pháp.	Lãnh đạo UBND Thành phố	05 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của STP	Công văn kèm theo Hồ sơ
	7.1. Trường hợp người nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin thôi quốc tịch nước tịch nước ngoài: Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ (theo Quyết định số 2358/QĐ-BTP ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp). Đối với hồ sơ đủ điều kiện, gửi thông báo bằng văn bản cho người xin nhập	Bộ Tư pháp; Chủ tịch Nước	60 ngày	Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam; Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam

B7	quốc tịch Việt Nam để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài. Sau khi nhận được giấy cho thôi quốc tịch nước ngoài của người xin nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định. Chủ tịch Nước xem xét, quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam			
	7.2. Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài, người xin nhập quốc tịch Việt Nam là người không quốc tịch: Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ (theo Quyết định số 2358/QĐ-BTP ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp), nếu xét thấy người xin nhập quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được nhập quốc tịch Việt Nam thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định		50 ngày	
B8	Công chức Phòng HCTP sau khi nhận thông báo kèm theo Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam: - Vào Sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ - Dự thảo Thông báo UBND cấp xã nơi đã đăng ký khai sinh trước đây của người được nhập quốc tịch Việt Nam để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh trình Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo Thông báo và trình Lãnh đạo Sở ký	Công chức Phòng HCTP, Trưởng phòng HCTP	1/2 ngày	Dự thảo Thông báo gửi UBND cấp xã để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh.
B9	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký Thông báo, hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp; Văn thư Sở	01 ngày	Thông báo về việc ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh
B10	Trả kết quả Tổ chức Lễ trao Quyết định nhập quốc	Bộ phận Một cửa;	Trong giờ hành	Quyết định cho phép nhập quốc tịch Việt

	tịch	Sở Tư pháp	chính	Nam
4	BIỂU MẪU			
	Hệ thống Biểu mẫu (Thông tư số 12/2025/TT-BTP của Bộ Tư pháp)			
	- Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2025-ĐXNQT.1). - Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (Mẫu TP/QT-2025-ĐXNQT.2). - Bản khai lý lịch (Mẫu TP/QT- 2025 - BKLL). - Văn bản thoả thuận thay đổi quốc tịch cho con chưa thành niên (Mẫu TP/QT-2025-VBTT). - Bản cam kết (Mẫu TP/QT-2025-VBCK). - Bản cam đoan (Mẫu TP/QT-2025-VBCĐ).			

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế: số:

do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):/...../.....

Nơi cư trú:

Thẻ thường trú số (5):.....do:.....

..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:

.....
.....
.....

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc diện được miễn một số điều kiện quy định tại Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam (6):

- Có vợ hoặc chồng hoặc có con đẻ là công dân Việt Nam



- Có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam	☐
- Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam	☐
- Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	☐

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin lấy tên là (7):

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin cam đoan trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có) (8):

Con thứ nhất:

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):.....

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

.....

Nơi cư trú:

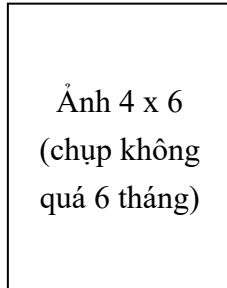
.....

Thẻ thường trú số (5):.....do:.....

..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên là (7):

Con thứ hai:



Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:.....

do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

Nơi cư trú:

Thẻ thường trú số (5):.....do:.....

..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên là (7):

Con thứ:

.....

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (9):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên (nếu có) ☐	Tôi tự xét thấy mình thuộc trường hợp được giữ quốc tịch hiện nay: ☐
---	---

	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay. Lý do xin giữ quốc tịch:.....
--	---

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày tháng năm.....

-
-
-

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

- (1) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.
- (2) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài).
Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.
- (3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.
- (4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La-tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người không quốc tịch thì ghi rõ “không quốc tịch”.
- (5) Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải cung cấp thông tin Thẻ thường trú nếu nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp.
- (6) Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với điều kiện được miễn.
- (7) Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải lấy tên bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam. Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài.
- (8) Trường hợp xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng thì ghi đầy đủ thông tin của từng người con.
- (9) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin nhập quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM
**(Dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam
cho người được đại diện)**

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm và tên (1): Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử
(nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Quốc tịch*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế: số:

do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

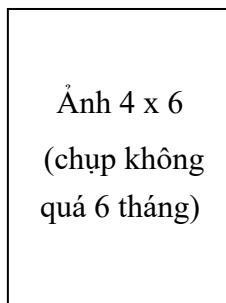
Nơi cư trú*:

.....

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm
Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người
có tên sau đây được nhập quốc tịch Việt Nam.

Người thứ nhất xin nhập quốc tịch Việt Nam:



Họ, chữ đệm và tên (1):..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

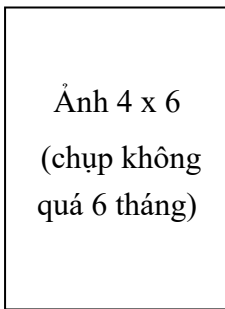
Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):
 Quốc tịch hiện nay (4):
 Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....
 do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....
 Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):/...../.....
 Nơi cư trú:

Thẻ thường trú số (5):.....do:.....
 cấp ngày.....tháng.....năm.....
 Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên là (6):

Người thứ hai xin nhập quốc tịch Việt Nam:



Họ, chữ đệm và tên (1)..... Giới tính:.....
 Ngày, tháng, năm sinh:.....
 Nơi sinh (2):
 Nơi đăng ký khai sinh (3):
 Quốc tịch hiện nay (4):
 Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....
 do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....
 Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):/...../.....
 Nơi cư trú:

 Thẻ thường trú số (5):.....do:.....
 cấp ngày.....tháng.....năm.....
 Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:

.....
 Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên là (6):

Người thứ xin nhập quốc tịch Việt Nam:

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc diện được miễn một số điều kiện quy định tại Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam (7):

- Có vợ hoặc chồng hoặc có con đẻ là công dân Việt Nam	☐
- Có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam	☐
- Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam	☐
- Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	☐

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (8):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của người được đại diện. ☐	Tôi tự xét thấy(9) thuộc trường hợp được giữ quốc tịch hiện nay: ☐
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép..... (9) được nhập quốc tịch Việt Nam mà vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Lý do xin giữ quốc tịch:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn./.

Giấy tờ kèm theo:

-
 -
 -

....., ngày tháng năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì người làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(2) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài).

Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người không quốc tịch thì ghi rõ “không quốc tịch”.

(5) Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải cung cấp thông tin giấy tờ này nếu nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp.

(6) Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải lấy tên bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam. Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài.

(7) Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với điều kiện được miễn.

(8) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin nhập quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

(9) Ghi họ, chữ đệm và tên của người được đại diện.

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH
(Dùng cho trường hợp giải quyết các việc về quốc tịch)

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Hộ chiếu Việt Nam (nếu có): do.....

..... cấp ngày tháng.....năm.....

Nơi làm việc:

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH

Ông nội (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Bà nội (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Ông ngoại (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Bà ngoại (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Người cha:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Người mẹ:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên*:..... Giới tính *:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*:

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên*:..... Giới tính *:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*:

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Con thứ:

Anh/chị/em ruột thứ nhất:

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Anh/chị/em ruột thứ hai:

Họ, chữ đệm và tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Anh/chị/em ruột thứ:

(Nếu số lượng con, anh/chị/em ruột nhiều hơn 02 người thì người khai lập bản khai bổ sung khai đầy đủ thông tin của từng thành viên).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1): Chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam.

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN THỎA THUẬN THAY ĐỔI QUỐC TỊCH
 CHO CON CHƯA THÀNH NIÊN**

Kính gửi (1):

1. Người cha:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Quốc tịch:

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

2. Người mẹ:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Quốc tịch:

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Bằng văn bản này, chúng tôi đồng ý cho con của chúng tôi là:

- Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

- Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

- Con thứ:

Nội dung thỏa thuận

.....

.....

.....

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã thỏa thuận nêu trên./.

Làm tại, ngày tháng năm

Người cha

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Người mẹ

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Người con (từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi)

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.

(2) Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, nơi cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.

(3) Ghi rõ nội dung thỏa thuận phù hợp với loại việc đề nghị giải quyết.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT (1)

Kính gửi (2):

.....

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:

.....

.....

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (3):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Quốc tịch:

Tôi xin cam kết:

.....

.....

.....

.....

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cam kết nêu trên./.

Làm tại, ngày tháng năm

Người cam kết

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1) Văn bản này được sử dụng khi thực hiện các thủ tục quốc tịch có quy định về cam kết.

(2) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.

(3) Ghi rõ tên, số, nơi cấp, ngày cấp giấy tờ tùy thân. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM ĐOAN (1)

Kính gửi (2):

.....

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:

.....

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (3):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Nội dung cam đoan ...

.....

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cam kết nêu trên./.

Làm tại ngày tháng năm

Người cam đoan

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1) Văn bản này được sử dụng khi thực hiện các thủ tục quốc tịch có quy định về cam đoan.

(2) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.

(3) Ghi rõ tên, số, nơi cấp, ngày cấp giấy tờ tùy thân. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.

3. Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước (QT-QT-03)

1	Mục đích		
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ Xin trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước.		
2	Phạm vi		
	Áp dụng đối với cá nhân xin trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước. Sở Tư pháp, Văn phòng UBND Thành phố, <i>Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo thông báo của cấp có thẩm quyền (sau đây gọi chung là Bộ phận Một cửa) và công chức Bộ phận Một cửa, công chức, người lao động được bố trí tham gia trong quá trình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này.</i>		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2025. - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Quyết định số 2358/QĐ-BTP ngày 16/7/2025 của Bộ Tư pháp Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp - Quyết định số 1099/QĐ-TTPVHCC ngày 25/7/2025 của Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quốc tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam	X	
	Giấy khai sinh		X
	Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế		X
	Bản khai lý lịch	X	
	Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp phù hợp với pháp luật của nước đó đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;	X	
	- Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng		X

	có quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau: + Giấy tờ chứng minh đã được Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch hoặc bị tước quốc tịch Việt Nam; + Giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp, xác nhận, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó. Trường hợp thông tin về tình trạng quốc tịch Việt Nam trước đây của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có thể khai thác được tại Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì cơ quan tiếp nhận không yêu cầu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam nộp các giấy tờ nêu trên.		
	- Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam vì lý do đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì phải có giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận rõ về lý do không được nhập quốc tịch nước ngoài. Trong trường hợp không được nhập quốc tịch nước ngoài là do lỗi của người đó thì phải có văn bản bảo lãnh của một trong những người là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị, em ruột là công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam, kèm theo đơn của người đó tự nguyện về cư trú tại Việt Nam.		X
	Con chưa thành niên cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ thì phải nộp bản sao Giấy khai sinh của người con hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ trở lại quốc tịch Việt Nam và con chưa thành niên sống cùng người đó trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia. Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.		X

	- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ sau: + Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp về việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó. Trường hợp pháp luật nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này thì người đó phải có bản cam đoan về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này và việc xin giữ quốc tịch nước ngoài khi trở lại quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó; + Bản cam kết không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại khoản 5 Điều 23 Luật Quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài		X
	*Lưu ý: Giấy tờ có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Giấy tờ trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính; bản sao được chứng thực từ bản chính; bản sao được cấp từ sổ gốc; bản điện tử các giấy tờ này; giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VNeID). Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người thụ lý hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu. Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	03 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)		
3.5	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính		

- Người đã mất quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 26 Luật Quốc tịch Việt Nam có đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì được xem xét giải quyết trở lại quốc tịch Việt Nam. - Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam không được trở lại quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam. - Trường hợp người bị tước quốc tịch Việt Nam xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì phải sau ít nhất 5 năm, kể từ ngày bị tước quốc tịch mới được xem xét cho trở lại quốc tịch Việt Nam. - Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài. Tên gọi này phải được ghi rõ trong Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam. - Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam được giữ quốc tịch nước ngoài nếu đáp ứng các điều kiện sau đây và được Chủ tịch nước cho phép: + Việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó; + Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định thì phải thôi quốc tịch nước ngoài.				
3.6 Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
Cổng Dịch vụ công Quốc gia - Trung tâm Phục vụ Hành chính công, <i>Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC (Theo thông báo của cấp có thẩm quyền)</i>				
3.7 Lệ phí				
2.500.000 đồng. Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: - Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, CHXHCN Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). - Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.				
3.8 Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải trực tiếp nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC (Theo thông báo của cấp có thẩm quyền) không uỷ quyền cho người khác nộp hồ sơ	Công dân	Trong giờ hành chính	Thành phần Hồ sơ theo Mục 3.2
	Công chức Bộ phận Một kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.	Công chức Bộ phận Một cửa		- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp

B2	Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác thì Công chức Bộ phận Một cửa viết Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ và ghi vào Sổ thụ lý hồ sơ quốc tịch. Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố, đồng thời chuyển hồ sơ bản giấy cho cho công chức Phòng HCTP - Sở Tư pháp		1/2 ngày	nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Sổ theo dõi hồ sơ
B3	Cán bộ, công chức Phòng HCTP có trách nhiệm xem xét, kiểm tra thông tin trong hồ sơ, giấy tờ do người yêu cầu xuất trình: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: công chức tham mưu văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết chuyển về Bộ phận Một cửa để thông báo cho cá nhân. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, hoàn chỉnh hồ sơ, tham mưu dự thảo văn bản gửi Công an Thành phố xác minh theo quy định; gửi Trưởng phòng xem xét.	Công chức Bộ phận một cửa	03 ngày	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Công an Thành phố xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp	Công an Thành phố	20 ngày	Xác minh về nhân thân người xin trở lại quốc tịch Việt Nam
B5	Công chức tiếp nhận Kết quả xác minh về nhân thân: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, công chức tham mưu văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết chuyển về Bộ phận Một cửa để thông báo cho cá nhân. - Trường hợp, hồ sơ đạt yêu cầu, hoàn chỉnh hồ sơ, tham mưu dự thảo trình Lãnh đạo phòng	Văn thư Sở	02 ngày	Kết quả xác minh về nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam
B6	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo Công văn và hồ sơ: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký Tờ trình	Trưởng phòng HCTP	02 ngày	Dự thảo Tờ trình kèm Hồ sơ

	UBND Thành phố hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu.			
B7	Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, ký Tờ trình UBND Thành phố; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Giám đốc Sở Tư pháp	01 ngày	Tờ trình kèm Hồ sơ
B8	Lãnh đạo UBND Thành phố xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.	Lãnh đạo UBND Thành phố	05 ngày	Công văn kèm theo Hồ sơ
B9	Bộ Tư pháp kiểm tra hồ sơ theo quy định (<i>Quyết định số 2358/QĐ-BTP ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp</i>). Đối với hồ sơ đủ điều kiện, Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch Nước xem xét, quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam. Chủ tịch Nước xem xét, quyết định	Bộ Tư pháp; Chủ tịch Nước	50 ngày	Thông báo để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài; Tờ trình xem xét, quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam. Tờ trình xem xét, quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam; Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam
B10	Văn thư Sở Tư pháp nhận Quyết định trở lại quốc tịch Việt Nam chuyển công chức Phòng HCTP, dự thảo Công văn đề nghị UBND cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh, trình Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo Thông báo và trình Lãnh đạo Sở ký	Văn thư Sở	01 ngày	Bản sao Quyết định cho phép trở lại quốc tịch Việt Nam
B11	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. Chuyển công chức phòng HCTP lấy sổ, đóng dấu và bàn giao Bộ phận Một cửa	Công chức Phòng HCTP	1/2 ngày	Quyết định cho phép trở lại quốc tịch Việt Nam; trích sao danh sách những người được trở lại quốc tịch
B12	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	Quyết định cho phép trở lại quốc tịch Việt Nam, thông báo
4	BIỂU MẪU			
	Hệ thống Biểu mẫu (Thông tư số 12 /2025/TT-BTP của Bộ Tư pháp)			
	- Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (Mẫu TP/QT- 2025-			

	ĐXTLQT.2). - Bản khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2025-BKLL). - Văn bản thoả thuận thay đổi quốc tịch cho con chưa thành niên (Mẫu TP/QT-2025-VBTT). - Bản cam kết (Mẫu TP/QT-2025-VBCK). - Bản cam đoan (Mẫu TP/QT-2025-VBCĐ). - Mẫu điện tử tương tác Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam; Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện và Bản khai lý lịch (nếu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến).
--	---

Ảnh 4 x 6
(chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:.....

do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú:

.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):

.....

Lý do mất quốc tịch Việt Nam (5):.....

(theo Quyết định số:.....ngày..... tháng..... năm.....
của.....).

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được trở lại quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

.....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, tôi xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là (6):

.....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, tôi xin cam đoan trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có) (7):

Con thứ nhất:

Ảnh 4 x 6
(chụp chưa
quá 6 tháng)

Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số

do:..... cấp ngày tháng năm

Nơi cư trú:

.....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây/nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên là (8).....

Con thứ hai:

Ảnh 4 x 6
(chụp chưa
quá 6 tháng)

Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):.....

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số

do:..... cấp ngày tháng năm

Nơi cư trú:

.....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây/nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên là (8).....

Con thứ.....:

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (9):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên (nếu có) ☐	Tôi tự xét thấy mình thuộc trường hợp được giữ quốc tịch hiện nay: ☐
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép tôi được trở lại quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay. Lý do xin giữ quốc tịch:.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn.

Giấy tờ kèm theo:

-

.....

-

.....

-

....., ngày tháng
năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có)” thì người làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(2) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài).

Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ví dụ: Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức.

Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với trường hợp đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì ghi rõ “đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài”.

(5) Nêu rõ lý do mất quốc tịch Việt Nam. Ví dụ: đã thôi quốc tịch Việt Nam.

(6) Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài.

(7) Trường hợp xin trở lại/xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng thì ghi đầy đủ thông tin của từng người con.

(8) Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây; người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam; người xin trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài.

(9) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM
**(Dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam
cho người được đại diện)**

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

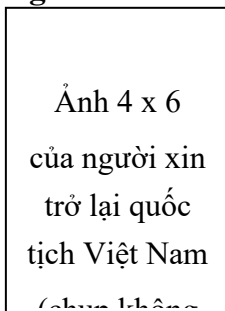
Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính*:.....
Ngày, tháng, năm sinh:.....
Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử
(nếu có):
Nơi sinh (2)*:
Quốc tịch*:
Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....
do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....
Nơi cư trú *:.....
.....

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm
Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người
có tên sau đây được trở lại quốc tịch Việt Nam.

Người thứ nhất xin trở lại quốc tịch Việt Nam:



Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:.....

do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú *:

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):

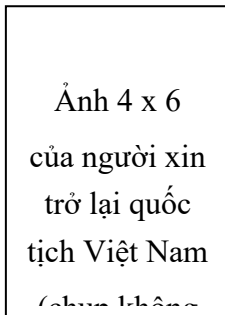
Lý do mất quốc tịch Việt Nam (5):.....

(theo Quyết định số:.....ngày.....tháng..... năm..... của.....).

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là (6):

Người thứ hai xin trở lại quốc tịch Việt Nam:



Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:.....

do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú *:

.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):

.....

Lý do mất quốc tịch Việt Nam (5):.....

(theo Quyết định số:.....ngày.....tháng..... năm.....
của.....).

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

.....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là (6):

.....

Người thứ... xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (7):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của người được đại diện ☐	Tôi tự xét thấy việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam của (8) thuộc trường hợp được giữ quốc tịch hiện nay: ☐
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép.....(8) được trở lại quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay. Lý do xin giữ quốc tịch:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn./.

Giấy tờ kèm theo:

-

.....

-

.....

-

.....

....., ngày tháng năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có)” thì người làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(2) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài).

Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ví dụ: Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức.

Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì ghi rõ “đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài”.

(5) Nêu rõ lý do mất quốc tịch Việt Nam. Ví dụ: đã thôi quốc tịch Việt Nam.

(6) Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài.

(7) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

(8) Ghi họ, chữ đệm, tên của người được đại diện.

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH
(Dùng cho trường hợp giải quyết các việc về quốc tịch)

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

.....

Hộ chiếu Việt Nam (nếu có): do.....

..... cấp ngày tháng.....năm.....

Nơi làm việc:

.....

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH

Ông nội (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Bà nội (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Ông ngoại (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Bà ngoại (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Người cha:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Người mẹ:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên*:..... Giới tính *:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*:

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên*:..... Giới tính *:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*:

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Con thứ:

Anh/chị/em ruột thứ nhất:

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Anh/chị/em ruột thứ hai:

Họ, chữ đệm và tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Anh/chị/em ruột thứ:

(Nếu số lượng con, anh/chị/em ruột nhiều hơn 02 người thì người khai lập bản khai bổ sung khai đầy đủ thông tin của từng thành viên).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1): Chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam.

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN THỎA THUẬN THAY ĐỔI QUỐC TỊCH
 CHO CON CHƯA THÀNH NIÊN**

Kính gửi (1):

1. Người cha:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Quốc tịch:

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

2. Người mẹ:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Quốc tịch:

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Bằng văn bản này, chúng tôi đồng ý cho con của chúng tôi là:

- Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

- Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

- Con thứ:

Nội dung thỏa thuận

.....

.....

.....

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã thỏa thuận nêu trên./.

Làm tại, ngày tháng năm

Người cha

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Người mẹ

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Người con (từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi)

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.

(2) Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, nơi cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.

(3) Ghi rõ nội dung thỏa thuận phù hợp với loại việc đề nghị giải quyết.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT (1)

Kính gửi (2):

.....

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:

.....

.....

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (3):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Quốc tịch:

Tôi xin cam kết:

.....

.....

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cam kết nêu trên./.

Làm tại, ngày tháng năm

Người cam kết

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1) Văn bản này được sử dụng khi thực hiện các thủ tục quốc tịch có quy định về cam kết.

(2) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.

(3) Ghi rõ tên, số, nơi cấp, ngày cấp giấy tờ tùy thân. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM ĐOAN (1)

Kính gửi (2):

.....

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:

.....

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (3):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Nội dung cam đoan ...

.....

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cam kết nêu trên./.

Làm tại ngày tháng năm

Người cam đoan

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1) Văn bản này được sử dụng khi thực hiện các thủ tục quốc tịch có quy định về cam đoan.

(2) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.

(3) Ghi rõ tên, số, nơi cấp, ngày cấp giấy tờ tùy thân. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.

NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

I. Thông tin về người xin trở lại quốc tịch Việt Nam

- (1) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (2) Họ, chữ đệm và tên;
- (3) Giới tính;
- (4) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (5) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (6) Nơi sinh;
- (7) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài)*); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;
- (8) Quốc tịch hiện nay;
- (9) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (10) Nơi cư trú (nơi đang sinh sống);
- (11) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/ nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);
- (12) Lý do mất quốc tịch Việt Nam (theo Quyết định số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp, tách biệt riêng các trường thông tin);
- (13) Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam;
- (14) Tên gọi nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam (người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài).

II. Thông tin về con chưa thành niên sinh sống cùng xin trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam

Con thứ nhất:

- (15) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (16) Họ, chữ đệm và tên;

(17) Giới tính;

(18) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(19) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(20) Nơi sinh;

(21) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài)*); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;

(22) Quốc tịch hiện nay;

(23) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(24) Nơi cư trú (nơi đang sinh sống);

(25) Tên gọi nếu được trở lại (được nhập) quốc tịch Việt Nam (người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây; người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam; người xin trở lại/xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài).

Con thứ:....

(26) Liên quan đến quốc tịch hiện nay:

- Cam kết làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên (*nếu có*) ☐

- Thuộc trường hợp được xin giữ quốc tịch hiện nay ☐

(27) Lý do xin giữ quốc tịch.

* Người yêu cầu cam đoan trung thành trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVCĐ, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam nhận bản điện tử Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam khi đã hoàn tất thủ tục xin trở lại quốc tịch Việt Nam tại cơ quan thụ lý hồ sơ.

**NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM
(Dành cho người đại diện theo pháp luật làm
Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)**

I. Thông tin người đại diện theo pháp luật

- (1) Họ, chữ đệm và tên;
- (2) Giới tính;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (4) Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (5) Nơi sinh;
- (6) Quốc tịch;
- (7) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (8) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi sinh sống);
- (9) Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện;

II. Thông tin về người xin trở lại quốc tịch Việt Nam

Người thứ nhất xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

- (10) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (11) Họ, chữ đệm và tên;
- (12) Giới tính;
- (13) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (14) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (15) Nơi sinh;
- (16) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài)*); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;
- (17) Quốc tịch hiện nay;

(18) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(19) Nơi cư trú (nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(20) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);

(21) Lý do mất quốc tịch Việt Nam (theo Quyết định số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp, tách biệt riêng các trường thông tin);

(22) Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam;

(23) Tên gọi nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam (người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài);

Người thứ nhất xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

(24) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;

(25) Họ, chữ đệm và tên;

(26) Giới tính;

(27) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(28) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(29) Nơi sinh;

(30) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài)*); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;

(31) Quốc tịch hiện nay;

(32) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(33) Nơi cư trú (nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(34) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);

(35) Lý do mất quốc tịch Việt Nam (theo Quyết định số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp, tách biệt riêng các trường thông tin);

(36) Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam;

(37) Tên gọi nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam (người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài).

Người thứ ... xin trở lại quốc tịch Việt Nam

(38) Liên quan đến quốc tịch hiện nay:

- Cam kết làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của người được đại diện ☐

- Thuộc trường hợp được xin giữ quốc tịch hiện nay ☐

(39) Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay.

* Người yêu cầu cam đoan trung thành trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVD, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến)

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam nhận bản điện tử Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam khi đã hoàn tất thủ tục xin trở lại quốc tịch Việt Nam tại cơ quan thụ lý hồ sơ.

NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC BẢN KHAI LÝ LỊCH

- (1) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (2) Họ, chữ đệm và tên;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (4) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (5) Nơi làm việc.

I. Tóm tắt về bản thân

(Ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

II. Tóm tắt về người thân thích

Ông nội (chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông nội là công dân Việt Nam);

- (6) Họ, chữ đệm và tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (8) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (9) Quốc tịch;
- (10) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Bà nội (chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có bà nội là công dân Việt Nam);

- (11) Họ, chữ đệm và tên;
- (12) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (13) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (14) Quốc tịch;
- (15) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Ông ngoại (chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông ngoại là công dân Việt Nam);

(16) Họ, chữ đệm và tên;

(17) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(18) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(19) Quốc tịch;

(20) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Bà ngoại (chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có bà ngoại là công dân Việt Nam);

(21) Họ, chữ đệm và tên;

(22) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(23) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(24) Quốc tịch;

(25) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Người cha

(26) Họ, chữ đệm và tên;

(27) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(28) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(29) Quốc tịch;

(30) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Người mẹ

(31) Họ, chữ đệm và tên;

(32) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(33) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(34) Quốc tịch;

(35) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Vợ/chồng

(36) Họ, chữ đệm và tên;

(37) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(38) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(39) Quốc tịch;

(40) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Con thứ nhất

(41) Họ, chữ đệm và tên;

(42) Giới tính;

(43) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(44) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(45) Quốc tịch;

(46) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Con thứ ...

....

Anh/chị/em ruột thứ nhất

(47) Họ, chữ đệm và tên;

(48) Giới tính;

(49) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(50) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(51) Quốc tịch;

(52) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Anh/chị/em ruột thứ

.....

* Người yêu cầu cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVD, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

4. Thủ tục xin thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước (QT-QT-04)

1	Mục đích: Quy trình này quy định trình tự và cách thức Giải quyết hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân xin thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước Sở Tư pháp, Văn phòng UBND Thành phố, <i>Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo thông báo của cấp có thẩm quyền (sau đây gọi chung là Bộ phận Một cửa) và công chức Bộ phận Một cửa, công chức, người lao động được bố trí tham gia trong quá trình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này.</i>		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2025. - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Quyết định số 2358/QĐ-BTP ngày 16/7/2025 của Bộ Tư pháp Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp - Quyết định số 1099/QĐ-TTPVHCC ngày 25/7/2025 của Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quốc tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam	X	
	Bản khai lý lịch	X	
	Giấy tờ chứng minh người xin thôi quốc tịch Việt Nam có quốc tịch Việt Nam là bản sao Hộ chiếu Việt Nam, thẻ Căn cước công dân, thẻ căn cước, căn cước điện tử, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ khác quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam và Điều 7 Nghị định số 91/2025/NĐ-CP trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quốc tịch Việt Nam của người xin thôi quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư		X
	Giấy tờ xác nhận về việc người đó đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này (Giấy tờ xác nhận việc người xin thôi quốc tịch Việt Nam đang làm thủ		X

	tục nhập quốc tịch nước ngoài quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 Luật Quốc tịch Việt Nam là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận hoặc bảo đảm cho người đó được nhập quốc tịch nước ngoài; trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam đã có quốc tịch nước ngoài thì nộp bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp để chứng minh người đó đang có quốc tịch nước ngoài).		
	Giấy xác nhận không nợ thuế do cơ quan quản lý thuế nơi người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú cấp	X	
	Đối với người trước đây là cán bộ, công chức, viên chức hoặc phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã nghỉ hưu, thôi việc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên chưa quá 5 năm thì còn phải nộp giấy xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị đã ra quyết định cho nghỉ hưu, cho thôi việc, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên xác nhận việc thôi quốc tịch Việt Nam của người đó không phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.	X	
	Bản sao Giấy khai sinh của con chưa thành niên cùng thôi quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ thôi quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó thôi quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.		X
	*Lưu ý: - Giấy tờ có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Giấy tờ trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người xin thôi quốc tịch Việt Nam có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính; bản sao được chứng thực từ bản chính; bản sao được cấp từ sổ gốc; bản điện tử các giấy tờ này; giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VNeID). Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người thụ lý hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận		X

	đã đối chiếu. Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.			
3.3	Số lượng hồ sơ			
	03 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)			
3.5	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: - Người xin thôi quốc tịch Việt Nam chưa được thôi quốc tịch Việt Nam, nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây: + Đang nợ thuế đối với Nhà nước hoặc đang có nghĩa vụ tài sản đối với cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân ở Việt Nam; + Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; + Đang chấp hành bản án, quyết định của Tòa án Việt Nam; + Đang bị tạm giam để chờ thi hành án; + Đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng. - Người xin thôi quốc tịch Việt Nam không được thôi quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam. - Cán bộ, công chức và những người đang phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được thôi quốc tịch Việt Nam. - Trường hợp được miễn xác minh về nhân thân thì thời hạn của giấy tờ bảo đảm cho nhập quốc tịch nước ngoài phải còn ít nhất là 120 ngày, kể từ ngày thụ lý hồ sơ; trường hợp phải xác minh về nhân thân thì thời hạn phải còn ít nhất là 150 ngày, kể từ ngày thụ lý hồ sơ.			
3.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Cổng Dịch vụ công Quốc gia - Trung tâm Phục vụ Hành chính công, <i>Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC (Theo thông báo của cấp có thẩm quyền)</i>			
3.7	Lệ phí			
	2.500.000 đồng.			
3.8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Người xin thôi quốc tịch Việt Nam phải nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc địa điểm tiếp nhận hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền. hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính	Công dân	Trong giờ hành chính	Theo Mục 3.2
B2	Bộ phận Một cửa kiểm tra hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ thì thông báo để cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ; b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức nêu rõ lý do;	Bộ phận Một cửa	1/2 ngày	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

	c) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, ghi vào Sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ, cấp cho người nộp hồ sơ Phiếu tiếp nhận hồ sơ; số hóa hồ sơ, nhập dữ liệu vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố. Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ cho công chức Phòng HCTP trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố.			- Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B3	Cán bộ, Công chức phòng HCTP – Sở tư pháp kiểm tra tính hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định thì phải hướng dẫn ngay người xin thôi quốc tịch Việt Nam bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ và ghi vào Sổ thụ lý hồ sơ quốc tịch. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, hoàn chỉnh hồ sơ, gửi Trưởng phòng xem xét dự thảo thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương trong ba số liên tiếp và gửi đăng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp đồng thời đề nghị cơ quan Công an Thành phố xác minh về nhân thân của người xin thôi quốc tịch Việt Nam.	Công chức Phòng HCTP	04 ngày	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/Thông báo trả lại hồ sơ; Thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam; Công văn
B4	Công an Thành phố xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp	Công an Thành phố	20 ngày	Kết quả xác minh về nhân thân
B5	Công chức tiếp nhận Kết quả xác minh về nhân thân: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, công chức tham mưu văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết chuyển về Bộ phận Một cửa để thông báo cho cá nhân. - Trường hợp, hồ sơ đạt yêu cầu, hoàn chỉnh hồ sơ, tham mưu dự thảo trình Lãnh đạo phòng	Công chức Phòng HCTP	02 ngày	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết

B6	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo Công văn và hồ sơ: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký Tờ trình UBND Thành phố hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu.	Trưởng Phòng HCTP	02 ngày	Dự thảo Tờ trình kèm Hồ sơ
B8	UBND Thành phố xem xét và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp	UBND Thành phố	05 ngày	Công văn của UBND Thành phố
B9	Bộ Tư pháp kiểm tra hồ sơ theo quy định (<i>Quyết định số 2358/QĐ-BTP ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp</i>), nếu xét thấy người xin thôi quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được thôi quốc tịch Việt Nam thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.về việc thôi quốc tịch Việt Nam Chủ tịch Nước xem xét, quyết định	Bộ Tư pháp	40 ngày	Tờ trình; Quyết định
B10	Văn thư Sở Tư pháp nhận Quyết định trở lại quốc tịch Việt Nam chuyển công chức Phòng HCTP, dự thảo Công văn đề nghị UBND cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh, trình Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo Thông báo và trình Lãnh đạo Sở ký	Văn thư Sở	1/2 ngày	Bản sao Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam
B11	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. Chuyển công chức phòng HCTP lấy sổ, đóng dấu và bàn giao Bộ phận Một cửa	Lãnh đạo Sở Tư pháp; Công chức Phòng HCTP	01 ngày	Thông báo
B11	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	Thông báo
4	BIỂU MẪU			
	Hệ thống Biểu mẫu (Thông tư số 12/2025/TT-BTP của Bộ Tư pháp)			
	- Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2025-ĐXTQT.1). - Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (Mẫu TP/QT-2025-ĐXTQT.2). - Bản khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2025-BKLL).			

	- Văn bản thoả thuận thay đổi quốc tịch cho con chưa thành niên (Mẫu TP/QT-2025-VBTT). - Mẫu điện tử tương tác Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam; Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm; Bản khai lý lịch (nếu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến).
--	---

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

Hộ chiếu Việt Nam số:do:.....
cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú*:

.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (5):/...../.....

Lý do xuất cảnh:

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (5):

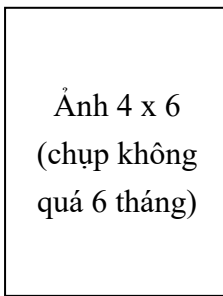
.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được thôi quốc tịch Việt Nam.

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:.....

.....

Tôi cũng xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có) (6):

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên: Giới tính*:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

.....

Hộ chiếu Việt Nam số:do:
cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú*:

.....

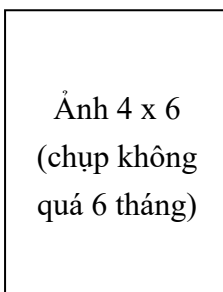
Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (5):/...../.....

Lý do xuất cảnh:

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (5):

.....

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm và tên: Giới tính*:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

.....

Hộ chiếu Việt Nam số:do:

cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú *:

.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (5):/...../.....

Lý do xuất cảnh:

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (5):

.....

Con thứ.....:

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

-

....., ngày tháng
năm.....

.....

-

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

.....

-

.....

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì người làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin

trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(2) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài). Ví dụ: phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ví dụ: Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức.

Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(5) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

(6) Trường hợp xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng thì ghi đầy đủ thông tin của từng người con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM
**(Dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam
cho người được đại diện)**

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử
(nếu
có):.....

Nơi sinh (2)*:

Quốc tịch*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....
do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

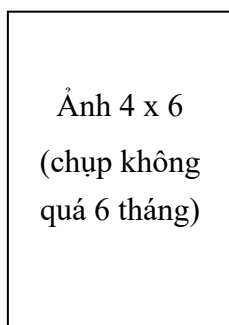
Nơi cư trú *:.....

.....

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm
Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người
có tên sau đây được thôi quốc tịch Việt Nam.

Người thứ nhất xin thôi quốc tịch Việt Nam:



Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

Hộ chiếu Việt Nam số:.....do:.....

cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú *:.....

.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (5):

Lý do xuất cảnh:.....

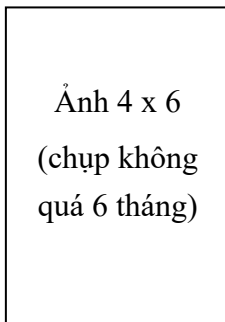
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (5):.....

.....

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:.....

.....

Người thứ hai xin thôi quốc tịch Việt Nam:



Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

Hộ chiếu Việt Nam số:.....do:.....

cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú *:.....

.....
 Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (5):

Lý do xuất cảnh:.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (5):.....

.....
 Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:.....

.....
Người thứ ... xin thôi quốc tịch Việt Nam:.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày tháng năm.....

-

Người làm đơn

-

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

-

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì người làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(2) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài). Ví dụ: phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ví dụ: Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức.

Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

- (4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.
- (5) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH
(Dùng cho trường hợp giải quyết các việc về quốc tịch)

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

.....

Hộ chiếu Việt Nam (nếu có): do.....

..... cấp ngày tháng.....năm.....

Nơi làm việc:

.....

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH

Ông nội (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Bà nội (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Ông ngoại (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Bà ngoại (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Người cha:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Người mẹ:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên*:..... Giới tính *:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*:

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên*:..... Giới tính *:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*:

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Con thứ:

Anh/chị/em ruột thứ nhất:

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Anh/chị/em ruột thứ hai:

Họ, chữ đệm và tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Anh/chị/em ruột thứ:

(Nếu số lượng con, anh/chị/em ruột nhiều hơn 02 người thì người khai lập bản khai bổ sung khai đầy đủ thông tin của từng thành viên).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1): Chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam.

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN THỎA THUẬN THAY ĐỔI QUỐC TỊCH
 CHO CON CHƯA THÀNH NIÊN**

Kính gửi (1):

1. Người cha:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Quốc tịch:

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

2. Người mẹ:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Quốc tịch:

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Bằng văn bản này, chúng tôi đồng ý cho con của chúng tôi là:

- Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

- Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

- Con thứ:

Nội dung thỏa thuận

.....

.....

.....

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã thỏa thuận nêu trên./.

Làm tại, ngày tháng năm

Người cha

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Người mẹ

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Người con (từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi)

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.

(2) Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, nơi cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.

(3) Ghi rõ nội dung thỏa thuận phù hợp với loại việc đề nghị giải quyết.

NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

I. Thông tin về người xin thôi quốc tịch Việt Nam

- (1) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (2) Họ, chữ đệm và tên;
- (3) Giới tính;
- (4) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (5) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (6) Nơi sinh;
- (7) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài)*); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;
- (8) Hộ chiếu Việt Nam (số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm);
- (9) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (10) Quốc tịch nước ngoài (nếu có);
- (11) Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (12) Lý do xuất cảnh;
- (13) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);
- (14) Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam;

II. Thông tin về con chưa thành niên sinh sống cùng xin thôi quốc tịch Việt Nam

Con thứ nhất:

- (15) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (16) Họ, chữ đệm và tên;
- (17) Giới tính;

(18) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(19) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(20) Nơi sinh;

(21) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài)*); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;

(22) Hộ chiếu Việt Nam (số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm);

(23) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(24) Quốc tịch nước ngoài (nếu có);

(25) Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);

(26) Lý do xuất cảnh;

(27) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);

Con thứ...

.....

* Người yêu cầu cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVCĐ, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người xin thôi quốc tịch Việt Nam nhận bản điện tử Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người xin thôi quốc tịch Việt Nam khi đã hoàn tất thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam tại cơ quan thụ lý hồ sơ.

NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM
(Dành cho người đại diện theo pháp luật làm
Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)

I. Thông tin người đại diện theo pháp luật

- (1) Họ, chữ đệm và tên;
- (2) Giới tính;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (4) Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (5) Nơi sinh;
- (6) Quốc tịch;
- (7) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (8) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (9) Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện;

II. Thông tin về người xin thôi quốc tịch Việt Nam

Người thứ nhất xin thôi quốc tịch Việt Nam:

- (10) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (11) Họ, chữ đệm và tên;
- (12) Giới tính;
- (13) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (14) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (15) Nơi sinh;
- (16) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan*

có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;

(17) Hộ chiếu Việt Nam (số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm);

(18) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(19) Quốc tịch nước ngoài (nếu có);

(20) Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);

(21) Lý do xuất cảnh;

(22) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);

(23) Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam;

Người thứ hai xin thôi quốc tịch Việt Nam:

(24) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;

(25) Họ, chữ đệm và tên;

(26) Giới tính;

(27) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(28) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(29) Nơi sinh;

(30) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài);* bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;

(31) Hộ chiếu Việt Nam (số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm);

(32) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(33) Quốc tịch nước ngoài (nếu có);

(34) Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);

(35) Lý do xuất cảnh;

(36) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);

(37) Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam;

Người thứ xin thôi quốc tịch Việt Nam

....

* Người yêu cầu cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVD, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người xin thôi quốc tịch Việt Nam nhận bản điện tử Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người xin thôi quốc tịch Việt Nam khi đã hoàn tất thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam tại cơ quan thụ lý hồ sơ.

NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC BẢN KHAI LÝ LỊCH

- (1) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (2) Họ, chữ đệm và tên;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (4) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (5) Nơi làm việc.

I. Tóm tắt về bản thân

(Ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

II. Tóm tắt về người thân thích

Ông nội (chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông nội là công dân Việt Nam);

- (6) Họ, chữ đệm và tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (8) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (9) Quốc tịch;
- (10) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Bà nội (chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có bà nội là công dân Việt Nam);

- (11) Họ, chữ đệm và tên;
- (12) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (13) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (14) Quốc tịch;
- (15) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Ông ngoại (chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông ngoại là công dân Việt Nam);

(16) Họ, chữ đệm và tên;

(17) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(18) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(19) Quốc tịch;

(20) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Bà ngoại (Chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có bà ngoại là công dân Việt Nam);

(21) Họ, chữ đệm và tên;

(22) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(23) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(24) Quốc tịch;

(25) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Người cha

(26) Họ, chữ đệm và tên;

(27) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(28) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(29) Quốc tịch;

(30) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Người mẹ

(31) Họ, chữ đệm và tên;

(32) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(33) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(34) Quốc tịch;

(35) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Vợ/chồng

(36) Họ, chữ đệm và tên;

(37) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(38) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(39) Quốc tịch;

(40) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Con thứ nhất

(41) Họ, chữ đệm và tên;

(42) Giới tính;

(43) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(44) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(45) Quốc tịch;

(46) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Con thứ ...

....

Anh/chị/em ruột thứ nhất

(47) Họ, chữ đệm và tên;

(48) Giới tính;

(49) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(50) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(51) Quốc tịch;

(52) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Anh/chị/em ruột thứ

.....

* Người yêu cầu cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

5. Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước (QT-QT-05)

1	Mục đích: Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ xin cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân xin cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam. Sở Tư pháp, Văn phòng UBND Thành phố, <i>Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo thông báo của cấp có thẩm quyền (sau đây gọi chung là Bộ phận Một cửa)</i> và công chức <i>Bộ phận Một cửa, công chức, người lao động được bố trí tham gia trong quá trình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này.</i>		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2025. - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Quyết định số 2358/QĐ-BTP ngày 16/7/2025 của Bộ Tư pháp Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp - Quyết định số 1099/QĐ-TTPVHCC ngày 25/7/2025 của Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quốc tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- <i>Trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam:</i> + Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt kèm 02 ảnh 4x6 chụp chưa quá 6 tháng	X	
	+ Giấy tờ chứng minh nhân thân của người đó như thẻ Căn cước công dân, thẻ căn cước, căn cước điện tử, giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp		X
	<i>Giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam (Giấy khai sinh; trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy</i>		X

	tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ; Giấy chứng minh nhân dân; thẻ Căn cước công dân; thẻ căn cước; căn cước điện tử; Hộ chiếu Việt Nam; Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi) và Điều 7 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP (Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam được cấp theo quy định tại Điều 30 Nghị định này; Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài được cấp theo quy định của pháp luật) hoặc giấy tờ tương tự do chính quyền cũ trước đây cấp, kể cả Giấy khai sinh trong đó không có mục quốc tịch hoặc mục quốc tịch bỏ trống nhưng trên đó ghi họ tên Việt Nam của người yêu cầu và cha, mẹ của người đó, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quốc tịch Việt Nam của người yêu cầu cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư		
	- Trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, nhưng có giấy tờ làm cơ sở để xác định có quốc tịch Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP; + Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam kèm 02 ảnh 4x6 chụp chưa quá 6 tháng;	X	
	+ Bản khai lý lịch kèm theo một trong các giấy tờ sau để có cơ sở xác minh quốc tịch Việt Nam: Giấy tờ về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, căn cước hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho công dân Việt Nam qua các thời kỳ, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc thông tin liên quan đến quốc tịch, công dân Việt Nam; Giấy tờ về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, căn cước hoặc giấy tờ khác do chế độ cũ ở miền Nam Việt Nam hoặc giấy tờ do chính quyền cũ ở miền Bắc Việt Nam cấp, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc thông tin liên quan đến quốc tịch, công dân Việt Nam.	X	
	*Lưu ý: - Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính; bản sao được chứng thực từ bản chính; bản sao được cấp từ sổ gốc; bản điện tử các giấy tờ này; giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VNeID). Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người thụ lý hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu. Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy		X

	tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.				
3.3	Số lượng hồ sơ				
	01 bộ				
3.4	Thời gian xử lý				
	Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền - 18 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam; - 53 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam (hồ sơ xác minh thông thường) hoặc 68 ngày làm việc (hồ sơ xác minh phức tạp).				
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	Cổng Dịch vụ công Quốc gia - Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC (Theo thông báo của cấp có thẩm quyền)				
3.6	Lệ phí				
	100.000 đồng. Miễn lệ phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.				
3.7	Quy trình xử lý công việc				
3.7.1	* Trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam				
	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	Người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC (Theo thông báo của cấp có thẩm quyền) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc nộp trực tuyến	Công dân	Trong giờ hành chính	Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2	
B2	Bộ phận Một cửa kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác thì Bộ phận Một cửa viết Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ và ghi vào Sổ thụ lý hồ sơ quốc tịch. Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ	Bộ phận Một cửa	1/2 ngày làm việc	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu kiểm soát quá trình	

	trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố, đồng thời chuyển hồ sơ bản giấy cho cho công chức Phòng HCTP - Sở Tư pháp			giải quyết hồ sơ	
B3	Công chức Phòng HCTP có trách nhiệm xem xét, kiểm tra thông tin trong hồ sơ, giấy tờ do người yêu cầu xuất trình - Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, công chức trả lại hồ sơ kèm Thông báo nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung gửi cho công dân - Trường hợp, hồ sơ đạt yêu cầu tiến hành hoàn thiện hồ sơ, trình Trưởng phòng HCTP, trực tiếp tra cứu hoặc tham mưu dự thảo văn bản đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu thông tin về thời quốc tịch, tước quốc tịch, hủy bỏ Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam Đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam: Nếu có nghi ngờ về tính xác thực của giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam thì Sở Tư pháp yêu cầu cơ quan đã cấp giấy tờ đó xác minh; Đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, nhưng có giấy tờ làm cơ sở để xác định có quốc tịch Việt Nam theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 30 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP tham mưu dự thảo văn bản đề nghị cơ quan Công an Thành phố xác minh về nhân thân của người có yêu cầu	Công chức Phòng HCTP	04 ngày làm việc	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Phiếu xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/Thông báo trả lại hồ sơ Dự thảo Công văn kèm theo Hồ sơ	
B4	Bộ Tư pháp tiến hành tra cứu và có văn bản trả lời Sở Tư pháp.	Bộ Tư pháp	10 ngày làm việc		
	Công chức nhận Kết quả xác minh: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện	Công chức	01 ngày làm việc	- Phiếu kiểm soát quá trình	

B5	kiện giải quyết: Dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, trình ký gửi cho công dân - Đối với hồ sơ đạt yêu cầu, có đủ căn cứ để xác định quốc tịch Việt Nam và người đó không có tên trong danh sách được thôi quốc tịch, bị tước quốc tịch, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, trình Trưởng phòng HCTP	Phòng HCTP		giải quyết hồ sơ - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết - Dự thảo Giấy xác nhận kèm theo Hồ sơ	
B6	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo Giấy xác nhận và hồ sơ: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng phòng HCTP	01 ngày làm việc	Dự thảo Giấy xác nhận kèm theo Hồ sơ	
B7	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký Giấy xác nhận, chuyển công chức phòng HCTP đồng thời chuyển Văn thư lấy số, đóng dấu và gửi văn bản	Lãnh đạo Sở Tư pháp; Văn thư Sở	01 ngày làm việc	Giấy xác nhận kèm theo Hồ sơ	
B8	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	1/2 ngày làm việc	- Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	

3.7.2 Trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, nhưng có giấy tờ làm cơ sở để xác định có quốc tịch Việt Nam theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 30 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	Người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC (Theo thông báo của cấp có thẩm quyền) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc nộp trực tuyến	Công dân	Trong giờ hành chính	Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2	
	Bộ phận Một cửa kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất,	Bộ phận Một cửa	1/2 ngày làm việc	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn	

B2	hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác thì Bộ phận Một cửa viết Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ và ghi vào Sổ thụ lý hồ sơ quốc tịch. Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố, đồng thời chuyển hồ sơ bản giấy cho cho công chức Phòng HCTP - Sở Tư pháp			thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	
B3	Công chức Phòng HCTP có trách nhiệm xem xét, kiểm tra thông tin trong hồ sơ, giấy tờ do người yêu cầu xuất trình - Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, công chức trả lại hồ sơ kèm Thông báo nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung gửi cho công dân - Trường hợp, hồ sơ đạt yêu cầu tiến hành hoàn thiện hồ sơ, trình Trưởng phòng HCTP, trực tiếp tra cứu hoặc tham mưu dự thảo văn bản đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu thông tin về thôi quốc tịch, tước quốc tịch, hủy bỏ Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam. Đồng thời tham mưu dự thảo văn bản đề nghị Công an Thành phố xác minh về nhân thân của người có yêu cầu	Công chức Phòng HCTP	05 ngày làm việc	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Phiếu xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/Thông báo trả lại hồ sơ Dự thảo Công văn kèm theo Hồ sơ	
B4	Bộ Tư pháp tiến hành tra cứu và có văn bản trả lời Sở Tư pháp. Công an Thành phố xác minh và trả lời kết quả bằng văn bản cho Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp; Cơ quan cấp giấy tờ; Công an Thành phố	45 ngày làm việc (trong trường hợp phức tạp thì không		

			quá 60 ngày làm việc)		
B5	Công chức nhận Kết quả xác minh: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: Dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, trình ký gửi cho công dân - Đối với hồ sơ đạt yêu cầu, có đủ căn cứ để xác định quốc tịch Việt Nam và người đó không có tên trong danh sách được thôi quốc tịch, bị tước quốc tịch, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, trình Trưởng phòng HCTP	Công chức Phòng HCTP	01 ngày làm việc	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết - Dự thảo Giấy xác nhận kèm theo Hồ sơ	
B6	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo Giấy xác nhận và hồ sơ: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng phòng HCTP	01 ngày làm việc	Dự thảo Giấy xác nhận kèm theo Hồ sơ	
B7	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký Giấy xác nhận, chuyển công chức phòng HCTP đồng thời chuyển Văn thư lấy số, đóng dấu và gửi văn bản	Lãnh đạo Sở Tư pháp; Văn thư Sở	1/2 ngày làm việc	Giấy xác nhận kèm theo Hồ sơ	
B8	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	- Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	
4	BIỂU MẪU				
	Hệ thống Biểu mẫu (Thông tư số 12 /2025/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	- Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2025-TKXNCQTVN.1). - Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (TP/QT-2025-TKXNCQTVN.2).				
	Bản khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2025-BKLL)				

	Mẫu điện tử tương tác Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam; Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện và - Bản khai lý lịch (nếu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến).
--	--

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm.....

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN CÓ QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Z

Kính gửi (1):

Họ, chữ đệm và tên (2):Giới tính* :

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có) :

Nơi sinh (3)* :

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (4):

Quốc tịch (5):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:

do: cấp ngàythángnăm

Nơi cư trú:

.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (6):/...../.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (6):

.....

Giấy tờ chứng minh có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ để phục vụ việc xác minh quốc tịch Việt Nam kèm theo:

1,

2,

3,

4,

5,.....

Đề nghị (1) cấp cho tôi Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

Người khai

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày, tháng, năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì người làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ.

(2) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(3) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài). Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ví dụ: Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức.

Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(5) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La-tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a. Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(6) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

Ảnh 4 x 6 của
người được
đại diện (chụp
không quá 6
tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN CÓ QUỐC TỊCH VIỆT NAM

**(Dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp
Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)**

Kính gửi (1):

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm và tên (2):Giới tính*:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử
(nếu có):

Nơi sinh (3)*:

Quốc tịch*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:..... số:.....

do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú *:

.....

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi đề nghị cơ quan có
thẩm quyền cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm và tên (2):Giới tính*:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử
(nếu có):

Nơi sinh (3)*:

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (4):.....

Quốc tịch (5)*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:..... số:.....

do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú*:.....

.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (6):/...../.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (6):.....

.....

Giấy tờ chứng minh có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ để phục vụ việc xác minh quốc tịch Việt Nam kèm theo:

1,.....

2,.....

3,.....

4,.....

5,.....

Đề nghị (1) cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho(7).....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

Người khai

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ.

(2) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(3) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài). Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ví dụ: Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức.

Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(5) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La-tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(6) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

(7) Ghi họ, chữ đệm và tên của người được đại diện.

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH
(Dùng cho trường hợp giải quyết các việc về quốc tịch)

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Hộ chiếu Việt Nam (nếu có): do.....

..... cấp ngày tháng.....năm.....

Nơi làm việc:

.....

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH

Ông nội (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Bà nội (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Ông ngoại (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Bà ngoại (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Người cha:

Họ, chữ đệm và tên*:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*:

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Người mẹ:

Họ, chữ đệm và tên*:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*:

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*:

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên*:..... Giới tính *:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*:

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm và tên*:..... Giới tính *:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*:

.....

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....
Con thứ:

Anh/chị/em ruột thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:.....Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....
Anh/chị/em ruột thứ hai:

Họ, chữ đệm và tên:.....Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Anh/chị/em ruột thứ:

(Nếu số lượng con, anh/chị/em ruột nhiều hơn 02 người thì người khai lập bản khai bổ sung khai đầy đủ thông tin của từng thành viên).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1): Chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam.

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

**NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN CÓ QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

- (1) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (2) Họ, chữ đệm và tên;
- (3) Giới tính;
- (4) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (5) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (6) Nơi sinh;
- (7) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài)*); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;
- (8) Quốc tịch;
- (9) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (10) Nơi cư trú (nơi đang sinh sống);
- (11) Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (12) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);
- (13) Giấy tờ chứng minh có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ để phục vụ việc xác minh quốc tịch Việt Nam kèm theo (ghi rõ từng loại giấy tờ);
- (14) Đề nghị cấp cho tôi Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (ghi rõ tên cơ quan thụ lý hồ sơ).

* Người yêu cầu cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVCĐC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam nhận bản điện tử Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam khi đã hoàn tất thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.

**NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN CÓ QUỐC TỊCH VIỆT NAM
(Dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp**

Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)

I. Thông tin người đại diện theo pháp luật

- (1) Họ, chữ đệm và tên;
- (2) Giới tính;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (4) Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (5) Nơi sinh;
- (6) Quốc tịch;
- (7) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (8) Nơi cư trú (nơi đang sinh sống);
- (9) Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện;

II. Thông tin về người xin cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam

- (10) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (11) Họ, chữ đệm và tên;
- (12) Giới tính;
- (13) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (14) Số định danh cá nhân/Giấy chứng minh nhân dân/thẻ Căn cước công dân/thẻ căn cước/căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (15) Nơi sinh;
- (16) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài)*); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;
- (17) Quốc tịch;
- (18) Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế (số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm);
- (19) Nơi cư trú (nơi đang sinh sống);

(20) Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);

(21) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);

(22) Giấy tờ chứng minh có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ để phục vụ việc xác minh quốc tịch Việt Nam kèm theo (ghi rõ từng loại giấy tờ);

(23) Đề nghị cấp cho tôi Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (ghi rõ tên cơ quan thụ lý hồ sơ).

* Người yêu cầu cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVD, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam nhận bản điện tử Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam khi đã hoàn tất thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.

NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC BẢN KHAI LÝ LỊCH

- (1) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (2) Họ, chữ đệm và tên;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (4) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (5) Nơi làm việc.

I. Tóm tắt về bản thân

(Ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

II. Tóm tắt về người thân thích

Ông nội (Chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông nội là công dân Việt Nam);

- (6) Họ, chữ đệm và tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (8) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (9) Quốc tịch;
- (10) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Bà nội (Chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có bà nội là công dân Việt Nam);

- (11) Họ, chữ đệm và tên;
- (12) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (13) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (14) Quốc tịch;
- (15) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Ông ngoại (Chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông ngoại là công dân Việt Nam);

- (16) Họ, chữ đệm và tên;

(17) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(18) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(19) Quốc tịch;

(20) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Bà ngoại (chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có bà ngoại là công dân Việt Nam);

(21) Họ, chữ đệm và tên;

(22) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(23) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(24) Quốc tịch;

(25) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Người cha

(26) Họ, chữ đệm và tên;

(27) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(28) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(29) Quốc tịch;

(30) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Người mẹ

(31) Họ, chữ đệm và tên;

(32) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(33) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(34) Quốc tịch;

(35) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Vợ/chồng

(36) Họ, chữ đệm và tên;

(37) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(38) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(39) Quốc tịch;

(40) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Con thứ nhất

(41) Họ, chữ đệm và tên;

(42) Giới tính;

(43) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(44) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(45) Quốc tịch;

(46) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Con thứ ...

Anh/chị/em ruột thứ nhất

(47) Họ, chữ đệm và tên;

(48) Giới tính;

(49) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(50) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(51) Quốc tịch;

(52) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Anh/chị/em ruột thứ

* Người yêu cầu cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVCĐ, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.